

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 11 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn E, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản 1, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Chị Vàng Thị O, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: Anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O có hai con chung tên là Hoàng Hồng Nhung, sinh ngày 15/12/2011 và Hoàng Quang Dũng, sinh ngày 13/02/2013. Anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O thỏa thuận như sau:

+ Giao cho chị Vàng Thị O là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Hoàng Hồng Nhung, sinh ngày 15/12/2011 và Hoàng Quang Dũng, sinh ngày 13/02/2013 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O thỏa thuận cụ thể như sau:

Anh Hoàng Văn E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi **một** con chung tên Hoàng Quang Dũng, sinh ngày 13/02/2013 mỗi tháng 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) cho đến khi **cháu Hoàng Quang Dũng** thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 20/3/2020 cho đến khi cháu Hoàng Quang Dũng thành niên (đủ 18 tuổi).

Còn con chung là Hoàng Hồng Nhung, sinh ngày 15/12/2011 chị Vàng Thị O không yêu cầu anh Hoàng Văn E **cấp dưỡng nuôi cháu Nhung**.

Anh E có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với **chị O**. Chị O có quyền yêu cầu anh E cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh E thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, **chị O** có đơn yêu cầu thi hành án, **anh E** chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O **xác nhận không có**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) Anh Hoàng Văn E và chị Vàng Thị O mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Anh E phải **chịu** 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là để anh E nộp thay chị O số tiền án phí mà chị O phải nộp. Xác nhận anh E đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0004445 ngày 15/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, **7a, 7b** và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- **UBND xã M;**
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Giang Thị Vượng